

Số: 121 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2024

V/v báo cáo tình hình SX-XK Thủy sản 9 tháng đầu năm 2024 và các bất cập, khó khăn về cơ chế, chính sách, TTHC của DN thủy sản

**Kính gửi: - Tổ Công tác Cải cách Thủ tục Hành chính
- Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính**

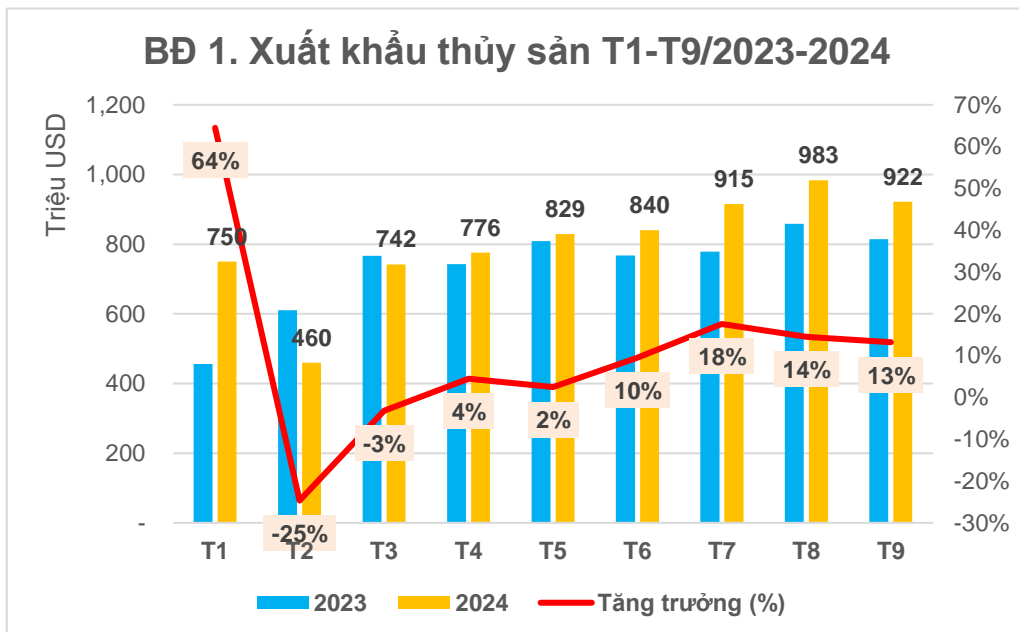
Phúc đáp công văn số 7421/VPCP-KSTT ngày 10/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai văn bản số 727/TTg-KSTT của Thủ tướng Chính phủ, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), thành viên của Hội đồng tư vấn CCTTHC, xin báo cáo tình hình sản xuất-xuất khẩu (SXXX) thủy sản 09 tháng đầu năm 2024 và các vướng mắc, khó khăn hiện tại về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính trong hoạt động SXXX của doanh nghiệp (DN) thủy sản, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2024:

Xuất khẩu (XK) thủy sản Việt Nam 9 tháng đầu năm đạt **7,2 tỷ USD, tăng 9%** so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng trong tháng 9, XK đạt 922 triệu USD, tăng 13% so với tháng 9/2023.

Sau 4 năm bị xáo trộn bởi dịch Covid, chiến tranh, lạm phát, diễn biến của các thị trường đang dần ổn định, XK thủy sản Việt Nam năm 2024 đã quay trở lại quỹ đạo thông thường là tăng tốc trong nửa cuối năm, đạt đỉnh vào quý III.

XK thủy sản trong quý III năm nay đạt **2,8 tỷ USD, tăng 15%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, các mặt hàng chủ lực đều có những bứt phá đáng kể gồm cá tra tăng 14%,



XK tôm tăng 20%, cua ghe tăng 59%, nhuyễn thể có vỏ tăng gấp đôi so với cùng kỳ. Tuy nhiên, XK cá ngừ có xu hướng chững lại và XK mực bạch tuộc tiếp tục sụt giảm.

Cả tôm và cá tra đều có kết quả XK tích cực nhờ sự hồi phục về nhu cầu và giá tại các thị trường Mỹ, Trung Quốc cùng với thế mạnh sản phẩm GTGT tại các thị trường khác như Nhật Bản, Australia...

Sự hồi phục và bứt phá của các thị trường NK chính đã thúc đẩy XK thủy sản Việt Nam trong quý III và cả giai đoạn 9 tháng đầu năm. Trong đó, 2 thị trường lớn quyết định xu hướng tăng trưởng này là Mỹ và Trung Quốc. Tính tới cuối tháng 9, cả Mỹ và Trung Quốc – HK đều mang về cho ngành thủy sản Việt Nam nguồn thu ngoại tệ hơn 1,3 tỷ USD và đều ghi nhận tăng trưởng tích cực: Mỹ tăng 13%, Trung Quốc – HK tăng 17%.

Quý IV, XK thủy sản có tiếp đà tăng trưởng như 3 quý đầu năm hay không, còn phụ thuộc vào kết quả của đợt thanh tra IUU của EU và kết quả cuối cùng về thuế chống trợ cấp đối với tôm NK vào Hoa Kỳ. Nếu những khó khăn, thách thức như thẻ vàng IUU, thuế chống trợ cấp không dẫn đến kịch bản xấu hơn, thì XK thủy sản có thể tiếp tục tăng trưởng tích cực, với niềm tin năm 2024, XK sẽ đạt được kết quả tốt hơn so với năm 2023.

Bảng 1. Xuất khẩu thủy sản, T1-T9/2024, theo sản phẩm (triệu USD)

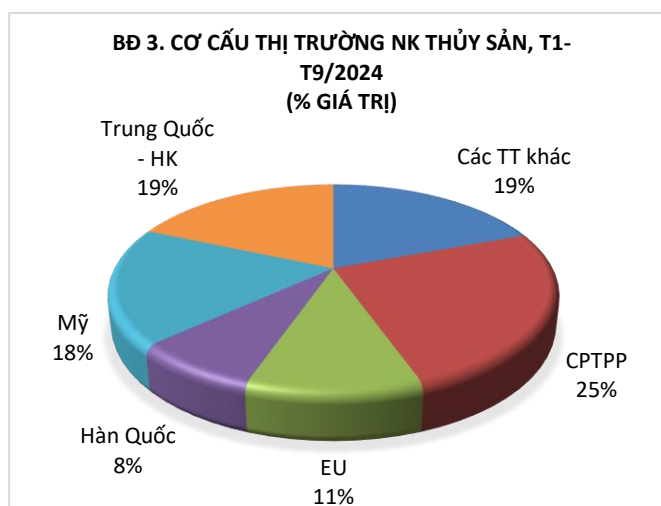
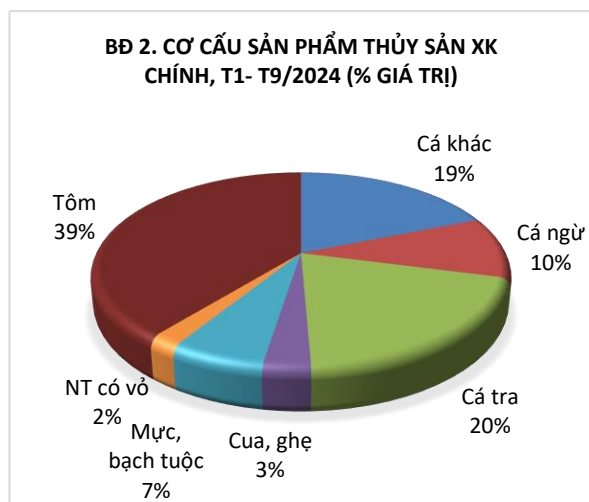
Sản phẩm	Quý I	Tăng, giảm (%)	Quý II	Tăng, giảm (%)	Quý III	Tăng, giảm (%)	T1-T9/2024	Tăng, giảm (%)
Tôm các loại	686,35	14,4	954,22	0,8	1.172,61	19,8	2.813,17	11,4
Cá tra	411,30	-2,5	507,15	12,4	546,26	14,0	1.464,70	8,3
Cá ngừ	214,97	19,2	256,57	27,2	256,54	9,2	728,07	18,0
Cá các loại khác	416,18	-2,6	448,70	-8,2	496,58	4,7	1.361,46	-2,1
Mực, bạch tuộc	138,512	0,1	150,35	-2,1	174,43	-5,9	463,29	-2,9
Nhuyễn thể có vỏ	30,22	-7,6	51,52	55,3	65,62	101,7	147,36	49,7
Cua ghe và giáp xác khác	52,01	75,1	73,06	74,9	103,42	58,8	228,49	67,3
Tổng	1.950,99	6,5	2.444,9	5,5	2.820,41	15,1	7.216,30	9,3

Nguồn: VASEP (Theo thống kê Hải quan)

Bảng 2. Xuất khẩu thủy sản, T1-T9/2024, theo thị trường (triệu USD)

Thị trường	Quý I	Tăng, giảm (%)	Quý II	Tăng, giảm (%)	Quý III	Tăng, giảm (%)	T1-T9/2024	Tăng, giảm (%)
Mỹ	323,62	14,1	447,01	5,7	551,53	19,5	1.332,16	13,2
TQ&HK	313,80	12,6	449,02	2,6	571,25	35,6	1.334,06	17,3
CPTPP	523,46	3,3	610,17	-0,7	685,22	8,2	1.818,85	3,6
EU	210,20	-4,2	291,37	21,8	279,16	9,1	780,73	9,3
Các TT khác	413,10	11,0	451,33	7,8	527,66	12,8	1.392,08	10,6
Tổng	1.950,99	6,5	2.444,90	5,5	2.820,41	15,1	7.216,30	9,3

Nguồn: VASEP (Theo thống kê Hải quan)



II. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DN THỦY SẢN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HỖ TRỢ, THÁO GỖ:

1. Các vướng mắc về thuế của DN thủy sản liên quan đến thủ tục kê khai thu mua nguyên liệu thủy sản (Thẩm quyền: Bộ Tài chính).

a. Vấn đề:

Theo phản ánh của DN thành viên VASEP, thời gian gần đây Cục Thuế của một số tỉnh (như Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Trị,...) đã tổ chức thanh, kiểm tra thuế cho giai đoạn **2016-2017** tại một số DN chế biến thủy sản xuất khẩu trên địa bàn. Trong quá trình thanh, kiểm tra đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:

i) *Vướng mắc, bất cập về việc tàu khai thác chưa có giấy phép khai thác:*

Hiện một số tàu thuyền đánh bắt hải sản mà các DN chế biến thủy sản kê khai **chưa có giấy phép khai thác**. Cục Thuế đã loại tất cả chi phí thu mua nguyên liệu từ những tàu thuyền này vì xem đó là chi phí không hợp lý, hợp lệ.

Theo qui định của pháp luật thì DN không có thẩm quyền kiểm tra giấy phép khai thác của tàu thuyền đánh bắt hải sản. Quyền cấp và kiểm tra giấy phép khai thác thuộc về các cơ quan thẩm quyền của Nhà nước như Bộ đội Biên phòng, Chi cục kiểm ngư, Chi cục Thủy sản, Ban quản lý cảng cá... Khi DN mua nguyên liệu thì DN chỉ biết căn cứ vào các thông tin tự khai của các nậu vựa, chủ tàu. Hơn nữa, tại mẫu số **01/TNDN** không quy định khai báo các giấy tờ (*như giấy phép khai thác, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, đăng kiểm...*) nên thời điểm đó, DN không đề nghị chủ tàu cá cung cấp cũng như không khai thông tin này ở mẫu số **01/TNDN**. Do vậy, Hiệp hội thấy rằng không có cơ sở pháp lý để cơ quan thuế cho rằng đây là lỗi của DN chế biến vì không kiểm tra tàu có giấy phép khai thác hợp pháp hay không để thu thuế và phạt chậm nộp các DN.

Hậu quả là các DN chế biến thủy sản bị truy thu thuế TNDN **20%** trên toàn bộ chi phí nguyên liệu đầu vào mua từ các tàu cá này và bị phạt chậm nộp (tính từ năm 2016-2017 đến nay) cũng tương đương 20% nữa. Nghĩa là DN chế biến phải đóng thêm khoản thuế TNDN

và phạt chậm nộp khoảng bằng 40% chi phí nguyên liệu. Điều này có nguy cơ dẫn đến các doanh nghiệp chế biến thủy sản rơi vào tình trạng vô cùng khó khăn.

*ii) **Vướng mắc, bất cập trong việc xác minh thông tin thu mua nguyên liệu thủy sản từ các tàu cá, ngư dân, chính quyền địa phương:***

*❖ **Đối với việc xác nhận của chủ tàu cá:***

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, nguyên liệu chủ yếu của các DN là nguyên liệu thủy sản khai thác, đa số thu mua từ các tàu thuyền của các ngư dân, nên các DN đã lập bảng kê thu mua hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn theo mẫu số: **01/TNDN** ban hành kèm theo thông tư số 78/2014 của Bộ Tài Chính. Đến nay, trong quá trình thanh, kiểm tra, cơ quan thuế đã yêu cầu xác minh lại việc thu mua từ các tàu cá ngư dân khi sự việc mua bán và thanh toán đã hoàn tất trước đó từ rất lâu, thường là nhiều năm trước. Do đó, khi cơ quan thuế phối hợp với các UBND xã về xác minh lại với các chủ tàu thì đa phần các chủ tàu đều sợ phải làm việc với cơ quan ban ngành, sợ phải khai báo lịch trình vùng đánh bắt, ngư lưới cụ nên để yên chuyện, tránh các thủ tục rắc rối, nhiều người trong số họ lại quay ngược lại khai báo không bán cá cho các DN đang bị kiểm tra nhằm tránh khỏi phải bị vướng các vấn đề liên quan. Do đó các DN luôn ở thế **bị động** và phải tùy thuộc vào tâm trạng của chủ tàu ở thời điểm xác minh, thậm chí có thể chịu khoản truy thu thuế oan nếu chủ tàu không muốn rắc rối nên không chịu xác nhận.

*❖ **Đối với việc xác nhận của chính quyền địa phương:***

Do bất cập trong việc xác nhận của chủ tàu cá nói trên, nhiều DN muốn làm hồ sơ mua bán với tàu cá có xác nhận của chính quyền địa phương để cơ quan thuế khỏi phải xác minh, chỉ căn cứ vào chứng từ mua hàng để ghi nhận chi phí nguyên liệu đầu vào, nhưng cũng lại gặp một số khó khăn như sau:

Trường hợp 1: Trong trường hợp một số tàu đánh bắt từ tỉnh này (ví dụ tỉnh Quảng Ngãi) nhưng vào cảng của tỉnh khác (ví dụ vào cảng Hòn La - Quảng Bình) và bán cá cho DN thì việc mua bán này DN không biết đơn vị xác nhận phải là cơ quan chính quyền của tỉnh nào. Nếu phải quay lại chỗ cơ quan địa phương nơi đăng ký hộ khẩu của tàu cá thì rất mất thời gian, chủ tàu cá cũng phải đi biển thường xuyên nên cũng không có thời gian để cùng DN làm thủ tục xin xác nhận.

Trường hợp 2: Trong trường hợp một số tàu ở tỉnh này (ví dụ như tàu ở Nghệ An) vào cảng của tỉnh khác (ví dụ Cảng Cửa Việt ở Quảng Trị) và bán cá cho DN, thì DN cũng không biết việc xác nhận chứng từ mua bán này là UBND xã/thị trấn tại tỉnh nào xác nhận thì mới đúng quy định.

Trường hợp 3: Có một số trường hợp chủ tàu nhiều lúc không đi theo tàu vì họ đã giao việc cho những người thân hay người được thuê làm việc trên tàu, nên khi tàu vào cảng bán cá cho DN, DN không thể gặp được chủ tàu để họ ký xác nhận trực tiếp trên phiếu bán.

Trong những trường hợp trên, đa phần việc thu mua thủy sản của DN từ tàu đánh bắt nhưng cơ quan chính quyền nơi tàu có hộ khẩu thường trú không biết đến việc mua bán này, hoặc có trường hợp mua thủy sản của tàu nhưng chủ tàu không biết. Nhưng việc xác minh lại sự việc nguồn thu mua nguyên liệu của cơ quan thuế lại thông qua chủ tàu và cơ quan chính

quyền nơi chủ tàu đăng ký thường trú. Do đó, nhiều khi chính quyền địa phương hoặc chủ tàu không có căn cứ để xác nhận mặc dù DN đã thật sự mua nguyên liệu từ các tàu này.

Một thực tiễn nữa là, việc thanh kiểm tra của Cục thuế cho giai đoạn nhiều năm trước đây (thậm chí có nhiều trường hợp lên đến 8 năm), nên có những tàu khai thác đã không còn hoạt động, hoặc chủ tàu đã chuyển nghề hay chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc thậm chí đã chết. Thêm vào đó ngư dân, chủ tàu là lao động chân tay, trình độ dân trí thấp, chủ yếu làm việc trên biển nên họ cũng không quen (hoặc không làm) việc ghi chép và lưu trữ chứng từ mua bán hải sản cho các DN. Do đó, hiện nay DN có đi gặp ngư dân để xác minh lại thông tin các năm trước (thậm chí từ giai đoạn 2016-2017) đã bán hải sản cho DN thì ngư dân cũng không thể nhớ để xác minh đúng và đầy đủ cho DN.

iii) Vương mắc, bất cập về việc DN thu mua nguyên liệu từ nậu vựa:

DN chế biến thủy sản xuất khẩu thu mua nguyên liệu qua các cơ sở thu mua (thường gọi là **nậu vựa**) hoặc mua trực tiếp từ tàu khai thác. Theo phản ánh của các DN thì vào giai đoạn 2016-2017, thì phần lớn các cơ sở thu mua đã đăng ký giấy phép kinh doanh thì có xuất hóa đơn tài chính cho DN. Còn một số nậu vựa chưa đăng ký giấy phép kinh doanh nên không xuất được hóa đơn tài chính thì nậu vựa, tàu khai thác làm bảng kê mua bán theo mẫu **01/TNDN** của Thông tư 96/2015/TT-BCT. Không có DNCB nào có thể mua tất cả các loại cá, mực khác nhau với các mức chất lượng khác nhau để chế biến được. Thực tế cho thấy vai trò trung gian của các nậu vựa là cần thiết vì làm chức năng phân loại sản phẩm và phân phối đến đúng các DN cần cho nên Nhà nước không cần đưa ra qui định phải mua trực tiếp từ ngư dân theo bảng kê **01/TNDN**.

b. Đề xuất, kiến nghị:

Ngày 11/10/2024, VASEP đã có văn bản số 103/CV-VASEP báo cáo, kiến nghị giải quyết bất cập về thuế cho DN thủy sản gửi tới Tổng cục Thuế (đồng kính gửi Bộ Tài chính và Hội đồng Tư vấn CCTTHC) về nội dung này, và chúng tôi vẫn đang chờ phản hồi kết quả xem xét giải quyết của Bộ Tài chính. Hiệp hội kính đề nghị Tổ Công tác CCTTHC, Hội đồng và Tổng Cục thuế hỗ trợ, quan tâm xem xét:

- 1)** Tháo gỡ cho các DN thủy sản tại các tỉnh (như Bà Rịa-Vũng Tàu, Quảng Trị,...) việc Cục Thuế địa phương thực hiện thanh, kiểm tra đồng thời các giấy tờ (*giấy phép khai thác...*) của tàu cá trong giai đoạn nhiều năm trước đây để quyết định chi phí nguyên liệu của DN là hợp lý hay không khi mà các văn bản QPPL của ngành thuế cũng như mẫu 01/TNDN không có các quy định hoặc dẫn chiếu cụ thể tới các giấy tờ này.
- 2)** Ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình thu mua nguyên liệu và các hồ sơ chứng từ cần thiết đối với các lô nguyên liệu mà DN thủy sản thu mua (DN mua nguyên liệu của ngư dân khai thác, mua từ cơ sở thu mua), để Cục thuế các địa phương triển khai đồng bộ & phù hợp.
- 3)** Ngành thuế cần tăng cường thanh, kiểm tra việc hoàn thuế VAT cho các DN xuất khẩu trong khoảng 3 năm vì nếu để đến 7-8 năm là quá dài với rất nhiều sự đổi thay về cơ

chế chính sách của Nhà nước cũng như nhân sự của DN và công việc, đời sống của ngư dân.

2. Về chính sách thuế TNDN đối với hoạt động chế biến thủy sản (Thẩm quyền: Bộ Tài chính).

a. Vấn đề bất cập:

Sau nhiều năm vướng mắc liên quan việc áp mức thuế TNDN cao tới 20% tại Cục thuế nhiều địa phương do Cục thuế xác định sản phẩm thủy sản là từ “**hoạt động sơ chế**”, sau khi nhận được kiến nghị của VASEP và tham vấn ý kiến của Bộ NNPTNT (được Bộ NNPTNT trả lời tại công văn số **7365/BNN-CBTTNS**), Bộ KHĐT (được Tổng cục Thống kê trả lời tại công văn số **1274/TCTK-PPCĐ**) thì ngày **12/3/2021** Bộ Tài chính đã ban hành văn bản số **2550/BTC-TCT** v/v chính sách thuế TNDN gửi Bộ NNPTNT, UBND Tỉnh Cà Mau và VASEP, theo đó xác định rõ “*các hoạt động (i) chế biến từ sản phẩm tươi sống đã qua đông lạnh đến -18 độ C, (ii) chế biến từ sản phẩm tươi sống thành sản phẩm chín, (iii) chế biến từ nguyên liệu có pha trộn gia vị phụ liệu để ra hàng giá trị gia tăng (GTGT) là **hoạt động chế biến thủy sản***” làm căn cứ để các Cục thuế xác định ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành.

Ngày 6/9/2023, Bộ Tài chính đã có công văn 9494/BTC-VP trả lời đề xuất, kiến nghị của hiệp hội, doanh nghiệp, trong đó đã ghi nhận ý kiến kiến nghị của VASEP đề nghị cứu đưa nội dung xác nhận sản phẩm thủy sản là sản phẩm của “**hoạt động chế biến**” vào văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình hoàn thiện, xây dựng chính sách.

Tuy nhiên, tại công văn **2042/CST-TN ngày 21/10/2024** của Cục Quản lý, Giám sát Chính sách Thuế, Phí và Lệ phí (Bộ Tài chính) trả lời kiến nghị của VASEP đã nêu lại các chính sách, quy định thuế hiện hành và đề nghị VASEP tự khảo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và khẳng định “*việc xác định thế nào là “chế biến” thì phải căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành và thuộc chức năng quản lý của các Bộ quản lý chuyên ngành (Bộ NNPTNT, Bộ KHĐT và cơ quan liên quan)*”.

Tuy nhiên, việc xác định các hoạt động nói trên là **hoạt động chế biến thủy sản** đã được 2 Bộ quản lý chuyên ngành là Bộ NNPTNT và Bộ KHĐT cũng như Bộ Tài chính xác nhận tại 3 văn bản nói trên.

Vì vậy, việc đưa vào văn bản có tính chất quy phạm pháp luật quy định xác nhận sản phẩm thủy sản là sản phẩm của “**hoạt động chế biến**” để hưởng ưu đãi **thuế TNDN** cho hoạt động chế biến là cần thiết và phù hợp.

b. Đề xuất, kiến nghị:

Bộ Tài chính xem xét, đưa nội dung xác nhận sản phẩm thủy sản là sản phẩm của “**hoạt động chế biến**” để hưởng ưu đãi **thuế TNDN** cho hoạt động chế biến vào văn bản dự thảo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp sửa đổi hoặc một văn bản quy phạm pháp luật phù hợp để các cơ quan thuế thực hiện thống nhất theo tinh thần văn bản số **2550/BTC-TCT ngày 12/3/2021** của Bộ Tài chính.

3. **Bắt cập trong thủ tục cấp giấy S/C và C/C trên hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử (eCDT)** (Thẩm quyền: Bộ NNPTNT).

a. Vấn đề:

Từ ngày 01/07/2024, hệ thống truy xuất nguồn gốc khai thác điện tử (eCDT) được triển khai cho 100% tàu cá ra vào cảng, bao gồm việc thu nộp nhật ký khai thác thủy sản và giám sát sản lượng bốc dỡ qua hệ thống eCDT. Hiện nay, các cảng cá đang yêu cầu ngư dân khi vào cảng sẽ phải khai báo thông tin sản lượng trên app điện thoại, phần lớn các cảng cá không chấp nhận khai báo trên giấy. Hiện tại, nhiều mặt hàng hải sản vẫn chưa cấp được các hồ sơ cho lô nguyên liệu như Biên nhân mua bán và giấy SC trên hệ thống eCDT do các bất cập tại các khâu trước của chuỗi thu mua nguyên liệu. Một số điển hình như sau:

- Nhiều tàu khai thác khi vào cảng nhưng ngư dân không hợp tác vào app điện thoại để khai báo thông tin hoặc khai thông tin không đủ nên cuối cùng DN không xin được Biên bản bốc dỡ tại cảng, giấy S/C.
- DN mua nguyên liệu từ cơ sở thu mua (Nậu vựa) nhưng khi DN báo cơ sở thu mua khai báo tàu khai thác để tàu về cảng làm thủ tục trên app thì cơ sở thu mua cũng ít hợp tác và báo không rành về app và không làm được. Khi đó, DN cũng không xin được các giấy tờ cần thiết tại cảng.
- Với các tàu thu mua/chuyển tải: phải khai báo trên phần mềm eCDT đủ các thông tin. Nếu có bất kỳ tàu nào không truy xuất được, tàu thu mua sẽ bị quy là vi phạm IUU. Trong khi tàu chuyển tải thu mua nguyên liệu của nhiều tàu khai thác nên chỉ vì 01 tàu không ghi chép đủ thông tin, hoặc thông tin thiếu chi tiết trong nhật ký khai thác của tàu thì DN khi đã mua nguyên liệu của tàu chuyển tải đó cũng không thể làm thủ tục xin giấy S/C được.
- Theo quy định, tàu cá trên 15m mới phải gắn thiết bị giám sát hành trình (VMS), tàu dưới 15m không phải lắp VMS. Hiện nay, phần mềm eCDT yêu cầu cập nhật thông tin của tàu có lắp đặt VMS. Do đó, khi DN mua nguyên liệu từ các tàu cá dưới 15m thì không cập nhật được thông tin trên eCDT nên DN cũng không thể làm thủ tục xin giấy S/C được.

Do đó, trên hệ thống phần mềm eCDT, các địa phương phải triển khai đồng bộ từ trong cả chuỗi khai thác (từ ngư dân, cơ sở thu mua, doanh nghiệp) để đảm bảo phần nhập liệu đầy đủ và chính xác ngay từ khâu đầu ngư dân ra-vào cảng, vì việc nhập liệu không đầy đủ từ ngay khâu đầu (ngư dân) thì sau dù DN có nhập đủ và đúng thì cũng không được duyệt xác nhận NL (S/C) – sẽ gây khó khăn cho DN ở khâu cuối của chuỗi mua nguyên liệu.

b. Đề xuất, kiến nghị: Bộ NNPTNT xem xét, hỗ trợ để khai thông được sản xuất-xuất khẩu bình thường hiện nay của ngư dân và doanh nghiệp:

- 1) Cục Thủy sản, Chi cục Thủy sản và BQL cảng cá tập huấn, hướng dẫn cho ngư dân việc nạp dữ liệu nguồn đầu vào chính xác để các khâu sau không bị vướng mắc. Cần thiết lập đường dây hỗ trợ kỹ thuật 24/7.

- 2) Cục Thủy sản có hướng dẫn về việc nhập liệu lên eCDT đối với tàu khai thác nhỏ (dưới 15m) không lắp đặt VMS và quy trình xác nhận nguyên liệu khai thác (S/C) đối với nguyên liệu khai thác từ các tàu khai thác này.
- 3) Xem xét chỉ đạo việc yêu cầu tất cả các khâu thẩm tra tàu IUU phải hoàn thành trước khi tàu vào cảng; và khi các thông tin trên eCDT đã đầy đủ và đúng thì BQL cảng cá cần xác nhận luôn S/C cho DN.

4. Bất cập trong việc xác nhận nguyên liệu Ruốc xuất khẩu vào EU (Thẩm quyền: Bộ NNPTNT).

a. Vấn đề:

Ruốc (tên khoa học là *Acetes japonicus*, tên tiếng Anh là **Akiami paste shrimp**) là loài thủy sản đặc thù được ngư dân khai thác gần bờ bằng các thuyền thúng nhỏ, không cần giấy phép khai thác và không phải lắp đặt thiết bị VMS (do là thuyền < 15m), đa phần cập cảng vào bãi ngang, không cập nhật được phần mềm eCDT dẫn đến không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận nguyên liệu khai thác (S/C) và Giấy chứng nhận (C/C) cho nguyên liệu ruốc xuất khẩu sang châu Âu theo quy định hiện hành.

b. Đề xuất, kiến nghị:

Sản lượng ruốc là khá lớn ở các tỉnh miền Trung. Khách hàng Châu Âu lại có nhu cầu lớn về mặt hàng này. Đề gia tăng giá trị & sinh kế cho ngư dân, cũng như để việc xuất khẩu sang EU không bị ách tắc, Hiệp hội trân trọng kiến nghị và đề xuất với Bộ NNPTNT xem xét trường hợp nguyên liệu Ruốc là trường hợp đặc thù để có văn bản hướng dẫn cụ thể cho phép xác nhận nguyên liệu khai thác (S/C) đối với nguyên liệu ruốc cho sản xuất hàng xuất khẩu vào thị trường EU.

5. Quy định “muối dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường i-ốt” tại Nghị định 09/2016/NĐ-CP (Thẩm quyền xem xét: Bộ Y tế).

a. Hiện trạng & bất cập:

Quy định của Nghị định 09/2016/NĐ-CP về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là chủ trương lớn của Chính phủ, VASEP & cộng đồng DN thủy sản ủng hộ tuyệt đối các giải pháp phù hợp để bảo vệ & tăng cường sức khỏe người dân. Chúng tôi tán thành việc quy định bổ sung i-ốt vào muối, gia vị dạng rắn để sử dụng trong gia đình hay cơ sở dịch vụ ăn uống.

Hiện nay, Bộ Y tế đang lấy ý kiến cho Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 09/2016/NĐ-CP. Trong tháng 10/2024 Bộ Y tế cũng đã cầu thị tổ chức 2 hội nghị để lắng nghe, tiếp thu, giải trình các nội dung góp ý – bao gồm cả Hội nghị sáng **30/10/2024** tại Bộ Y tế do Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên chủ trì với sự tham dự của đại diện 6 Hội/Hiệp hội (**Amcham, VASEP, FFA, AFT, HVNCLC và Nước mắm truyền thống**) cùng đông đảo đại diện các Đơn vị của Bộ Y tế, VPCP, UNICEF.

Hiệp hội VASEP và các DN thủy sản quan ngại với 01 nội dung quy định của Nghị định 09/2016 là «**bổ sung i-ốt vào muối dùng trong chế biến thực phẩm**». Khi mà có đến hơn **90%** lượng thủy sản chế biến hàng năm là xuất khẩu đến hơn 160 thị trường toàn cầu dưới dạng: đông lạnh (bao gói), đồ hộp, hàng khô, hàng ăn liền, nước mắm truyền thống.... và

hàng năm mang về 10-11 tỷ USD cho Việt Nam. Rất nhiều các sản phẩm chế biến từ các loài chủ lực của VN (*tôm, cá ngừ, surimi, cá tra, nghêu, mực-bạch tuộc...*) là có sử dụng muối trong quy trình công nghệ, với yêu cầu sử dụng phải là muối tinh khiết, an toàn (*đáp ứng yêu cầu của HACCP cho an toàn thực phẩm*).

Quan ngại lớn trước hết là các nước không có yêu cầu sử dụng muối i-ốt đối với thủy sản mà Họ nhập khẩu, khách hàng (nhà nhập khẩu) phản ứng, yêu cầu có Giấy xác nhận cam kết không dùng muối có chứa i-ốt & thậm chí từ chối đơn hàng.

Quan ngại lớn thứ 2 là các DN ngành thực phẩm, trong đó có thủy sản, sẽ khó khăn hoặc không thể tìm được nguồn muối tinh khiết & không có bổ sung i-ốt để phục vụ cho chế biến. Việc các cơ sở làm muối thủ công (không phải tuân thủ NĐ 09/2016) là không đủ về số lượng và không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng muối, độ tinh khiết của muối. Việc này nếu xảy ra sẽ gây khó khăn lớn cho toàn ngành chế biến thủy sản.

Quan ngại lớn thứ 3 là với các dòng hàng thủy sản chế biến cung cấp ra thị trường tiêu dùng nội địa: **một là** DN phải sản xuất riêng, độc lập, không thể điều chuyển từ lô hàng chế biến cho XK sang cho tiêu dùng nội địa và ngược lại - làm hạn chế quyền kinh doanh của DN và bất cập cho sản xuất; **hai là** hàng thủy sản chế biến tiêu dùng cho nội địa sẽ phải cạnh tranh bất công bằng với các hàng thủy sản/thực phẩm nhập khẩu không bị kiểm soát về quy định bổ sung muối i-ốt.

Quan ngại lớn thứ 4 là tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định 09/2016 cho phép loại trừ “**các cơ sở thực phẩm xuất khẩu**” không thuộc điều chỉnh của Nghị định. Tuy nhiên, thực tế thì hầu hết các DN hiện nay đều sản xuất hàng hóa cho cả xuất khẩu và tiêu dùng trong nước theo nhu cầu thực tiễn không bị cấm hay hạn chế. Ít và rất ít DN/cơ sở nào chỉ làm cho mỗi mục tiêu “xuất khẩu”. Cho nên, quy định loại trừ này sẽ vô cùng bất cập trong thực tiễn triển khai, dễ xảy ra việc tùy tiện trong thực thi khi xác định DN là “cơ sở thực phẩm xuất khẩu” hay là không.

Quan ngại lớn cuối cùng chính là liên quan đến sức khỏe của người dân Việt Nam. Chúng tôi chia sẻ quan ngại này để Bộ Y tế xem xét và cân nhắc đến những người đã đủ và thừa i-ốt không cần bổ sung, mà nếu họ không có sự lựa chọn an toàn cho bản thân khi bắt buộc sử dụng các nguồn thức ăn đều có muối bổ sung i-ốt, thì các nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của họ (như bệnh cường giáp, ung thư tuyến giáp...).

b. Đề xuất, kiến nghị:

Hiệp hội VASEP ủng hộ chủ trương của Chính phủ trong các quyết sách để cải thiện tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe nhân dân, trong đó có quyết sách về tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm. Tuy nhiên, trên cơ sở các quan ngại nêu trên, Hiệp hội trân trọng đề nghị Chính phủ và Bộ Y tế xem xét điều chỉnh, bổ sung trong Dự thảo Nghị định sửa đổi:

- 1) Loại trừ hàng thủy sản và thực phẩm xuất khẩu khỏi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 09/2016 (sửa đổi khoản 2 Điều 2 của NĐ 09/2016 thành “**thực phẩm xuất khẩu**” thay vì “cơ sở thực phẩm xuất khẩu”).

Khuyến khích sử dụng muối có bổ sung i-ốt trong chế biến thực phẩm dùng cho tiêu dùng nội địa.

Ngoài vấn đề thực tiễn như đã nêu tại 5 quan ngại trên, thì tiếp cận này có thể tham khảo quy định hiện hành của **Canada**: bắt buộc bổ sung i-ốt cho muối ăn dùng cho hộ gia đình, không bắt buộc bổ sung i-ốt cho muối dùng trong chế biến thực phẩm (<https://inspection.canada.ca/en/food-labels/labelling/industry/salt>)

- 2) **Bổ sung bắt buộc i-ốt cho muối dùng trong hộ gia đình và dịch vụ ăn uống trực tiếp** (đúng theo Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030) và **các gia vị mặn dạng rắn**.
- 3) Cho phép các cơ sở sản xuất-nhập khẩu muối được **cung cấp muối không bổ sung i-ốt** để sử dụng theo nhu cầu của những người thừa i-ốt, của DN sản xuất hàng thực phẩm xuất khẩu. **Yêu cầu ghi nhãn rõ ràng** về muối i-ốt và lợi ích phòng chống bướu cổ để phân biệt với muối tinh khiết.
- 4) Trong suốt 7 năm qua, *cả trên các văn bản hay các hội nghị liên quan*, VASEP và các Hội/Hiệp hội liên quan ngành hàng thực phẩm luôn thể hiện rõ quan điểm và tinh thần ủng hộ tuyệt đối quyết sách bổ sung vi chất dinh dưỡng để cải thiện sức khỏe người dân, trong đó có biện pháp bổ sung bắt buộc i-ốt cho muối, gia vị dạng rắn dùng trong các hộ gia đình, chỉ có một điểm duy nhất quan ngại & kiến nghị là **quy định dùng muối i-ốt dùng trong chế biến thực phẩm**. Không có bất cứ ý kiến nào là “phản đối việc tăng cường vi chất” hay “không vì sức khỏe nhân dân”. Tinh thần xây dựng và quan điểm nhất quán này thể hiện rõ trong các phát biểu, tham luận của đại diện các Hiệp hội tại Hội nghị do Bộ Y tế chủ trì sáng 30/10/2024 về Nghị định 09/2016.

Đề nghị: Biên bản (Báo cáo) của Bộ Y tế về kết quả Hội nghị họp về Nghị định 09/2016 sáng 30/10/2024 do Bộ Y tế chủ trì cần có cả nội dung thể hiện rõ tinh thần quan điểm, kiến nghị kể trên của các Hiệp hội.

6. Bất cập về quản lý và tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại QĐ 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng CP

a. Vấn đề:

Sau hơn 4 năm triển khai, Quyết định 06/QĐ-TTg đã bộc lộ nhiều bất cập, gây chậm trễ trong việc cho phép tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại nhiều trường hợp bị kéo dài hơn quy định do thời gian luân chuyển công văn giữa các Bộ Ngành, các sở ban ngành, Văn phòng UBND các tỉnh bị kéo dài, gây khó khăn cho các đơn vị, tổ chức trong việc triển khai các hoạt động liên quan đến các hội nghị, hội thảo có yếu tố quốc tế.

Trong thực tế, nhiều hội thảo, hội nghị quốc tế do các hiệp hội tổ chức nhằm hỗ trợ doanh nghiệp để kết nối thị trường, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật, cung cấp thông tin về quy định pháp lý, công nghệ mới,... cho doanh nghiệp thời gian qua đã không thể tổ chức được do thời gian chờ đợi phê duyệt quá lâu và thủ tục còn nhiều điểm chưa rõ ràng.

b. Đề xuất, kiến nghị:

Để đơn giản hóa và tạo thuận lợi cho công tác tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, tận dụng được nguồn kinh phí hỗ trợ, kinh nghiệm tốt của chuyên gia quốc tế nhằm giúp

nâng cao nhận thức, kiến thức và năng lực cho các doanh nghiệp và các đơn vị liên quan, đề nghị Chính phủ xem xét cho phép các Hiệp hội doanh nghiệp ngành hàng:

- Không phải làm thủ tục xin phép tổ chức sự kiện mà hàng năm lập kế hoạch tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế.
- Trước khi tổ chức sự kiện 2 tuần sẽ gửi văn bản tới Bộ, ngành đầu mối để báo cáo cũng như có báo cáo sau khi tổ chức sự kiện thành công. Trường hợp nếu có vấn đề cần xem xét, Bộ ngành sẽ có văn bản thông báo dừng/hoãn sự kiện trước ngày khai mạc sự kiện ít nhất 5 ngày để các Hiệp hội kịp thực hiện thủ tục hoãn/hủy sự kiện với các bên liên quan.

Hiệp hội VASEP xin báo cáo Văn phòng Chính phủ, Hội đồng Tư vấn cải cách TTTC quan tâm và xem xét.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ**



Trương Đình Hòa